

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST

Ngày: 15-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương

Thẩm phán: Ông Đoàn Hằng Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Nở

Ông Phạm Văn Hảo

Ông Hoàng Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2024/TLST - HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Thị Kim N; Sinh năm 1976 tại tỉnh Yên Bái; Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nơi ở trước khi bị bắt: Tổ H, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Nguyên Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Nên (đã chết) và bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1940; Chồng: Nguyễn Cửu L (đã ly hôn, đã chết); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/11/2023, tạm giam từ ngày 12/11/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L (Có mặt).

2. Nguyễn Hồng T; Sinh năm 1983 tại tỉnh Lai Châu; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Nguyên Công chứng viên Phòng C1 tỉnh Lai Châu; Là đảng viên Đ4 hiện đã bị khai trừ ra khỏi đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Quang T1, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị M, sinh năm 1957; Chồng: Nguyễn Đức T2, sinh năm 1980; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị Kim N:* Ông Nguyễn Chí Đ - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (Có mặt).

- *Bị hại:*

1. Bà Phạm Thu H, sinh năm 1980 - Trú tại: Tổ C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1984 - Trú tại: Tổ B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Bà Phan Thị X, sinh năm 1994 - Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

4. Ông Lương Đức T3, sinh năm 1988 - Trú tại: Tổ F, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1986 - Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1983 - Trú tại: Xóm D, xã A, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1986 - Trú tại: Tổ B, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Bà Vừ Thị Đ1, sinh năm 2000 - Trú tại: Tổ F, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Ông Dương Quốc Đ2, sinh năm 1975 - Trú tại: Tổ D, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

4. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1979 - Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

5. Văn phòng C2 - Địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quốc Đ2 - Trưởng Văn phòng - Trú tại: Tổ D, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

6. Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L - Địa chỉ: Đại lộ L, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H2 - Giám đốc - Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

7. Phòng C1 - Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu - Địa chỉ: Tòa nhà S, khu hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Lai Châu; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Duy D1 - Phó trưởng phòng phụ trách - Trú tại: Tổ E, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

8. Bà Trần Thị T4, sinh năm 1974 - Trú tại: Tổ B, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Đức H3, sinh năm 1983 - Trú tại: Tổ C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

2. Ông Đỗ Đình S, sinh năm 1989 - Trú tại: Tổ E, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Cửu L, sinh năm 1979 - Trú tại: Tổ E, phường Q, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

4. Ông Vũ Văn N2, sinh năm 1983 - Trú tại: Tổ B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).
5. Ông Lê Thuận T5, sinh năm 1993 - Trú tại: Tổ A, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).
6. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1985 - Trú tại: Tổ B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).
7. Bà Trần Thị Kim Á, sinh năm 1980 - Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).
8. Bà Phạm Thị T7, sinh năm 1988 - Trú tại: Tổ E, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).
9. Bà Nguyễn Khánh H4, sinh năm 1975 - Trú tại: Tổ B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).
10. Ông Nguyễn Duy T8, sinh năm 1992 - Trú tại: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Với chức trách, nhiệm vụ là Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L, Trịnh Thị Kim N được phân công nhiệm vụ: Tham mưu, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; chủ trì, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính các dự án thu hồi đất trên địa bàn phường Đ và thực hiện nhiệm vụ khác do đơn vị phân công. Trong tháng 10/2023, N đã tiếp nhận 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để giải quyết theo thủ tục hành chính cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới; 26 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân phường Đ bàn giao để bấm lỗ, nộp lưu trữ tại đơn vị.

Do cần tiền để gửi đầu tư vào các sản giao dịch tài chính trên mạng nên N đã nảy sinh ý định chỉnh sửa thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do N chịu trách nhiệm quản lý rồi sử dụng các Giấy chứng nhận này để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Vì vậy, trong tháng 10/2023, N đã dùng dao lam cạo, xóa thông tin họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số chứng minh nhân dân, địa chỉ của người sử dụng đất tại trang đầu hoặc trang 3 trên 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Số CM642423 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 08/8/2018; số BL266100 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 07/10/2013; số BA778402 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 13/8/2010; số BA778418 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 13/8/2010; số BA772440 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 16/12/2010; số BL117805 do Ủy ban nhân dân thị xã L cấp ngày 27/6/2013. Sau đó, sử dụng máy tính tại phòng làm việc để đăng nhập vào phần mềm Vilis (phần mềm cơ sở dữ liệu địa chính trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) để chỉnh sửa thông tin người sử dụng đất từ chủ sử dụng hợp pháp sang tên Nhung rồi dùng máy in, in đè thông tin lên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc đã tẩy xóa. Để tránh bị tra cứu, phát hiện, N đã cập nhật

thông tin người sử dụng đất trên phần mềm Vilis đối với 04 Giấy chứng nhận đứng tên N (các số BL266100, BA778402, BA778418, BL117805), 02 Giấy chứng nhận còn lại là CM642423 và BA772440 Nhưng không cập nhật thông tin trên phần mềm Vilis.

Từ ngày 09/10/2023 đến ngày 31/10/2023, N sử dụng 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã sửa chữa nêu trên để nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của các bị hại với tổng số tiền 3.645.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 09/10/2023, N nhờ Đỗ Đình S thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM642423 để vay tiền của Phạm Thu H. H đồng ý và nhờ S đứng tên, lập hợp đồng đặt cọc tiền mua đất giữa S và N, đồng thời thông qua Phạm Thị T7 (vợ S) để S chuyển khoản 180.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng cho N. Đến ngày 24/10/2023, N trả cho H 11.000.000 đồng tiền lãi khoản vay trên, đồng thời tiếp tục thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL266100 cho H để vay thêm 350.000.000 đồng. H đồng ý và tiếp tục nhờ S đứng tên, lập hợp đồng đặt cọc tiền mua đất với N và nhờ S chuyển khoản 350.000.000 đồng vào tài khoản của N.

Ngày 25/10/2023, N tiếp tục hỏi vay thêm 400.000.000 đồng, H đồng ý cho vay với điều kiện N phải lập và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên cho H. Sau đó, hai người liên hệ với Nguyễn Hồng T là Công chứng viên Phòng C1 thuộc Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu để làm thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Trịnh Thị Kim N và bên nhận chuyển nhượng Vũ Thị H1 (H nhờ H1 đứng tên trên hợp đồng chuyển nhượng), giá trị chuyển nhượng đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM642423 trên hợp đồng là 600.000.000 đồng, giá trị chuyển nhượng của thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL266100 là 400.000.000 đồng.

Theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch của người yêu cầu công chứng thì Công chứng viên phải tiến hành tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, điều kiện công chứng, chứng thực; đối chiếu thông tin ngăn chặn, chuyển nhượng liên quan đến tài sản, người thực hiện giao dịch trong cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu bằng cách đăng nhập vào trang web: qlcc.laichau.gov.vn để tra cứu; sau khi công chứng, chứng thực thì người thực hiện công chứng phải cập nhật kịp thời, chính xác các hợp đồng, giao dịch được người có thẩm quyền công chứng, chứng thực và các thông tin ngăn chặn, giải tỏa thông tin ngăn chặn do các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến cơ sở dữ liệu. Tuy nhiên, khi thực hiện công chứng, Nguyễn Hồng T đã không thực hiện các quy định nêu trên nên không phát hiện thông tin về người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 642423 là của ông Nguyễn Thế S1 và bà Trần Thị Nam P (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 463 quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD, thuộc vào trường hợp phải tạm dừng công chứng để tiến hành xác minh từ các bên, do vậy vẫn lập và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 535 quyền số 03/2023TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 26/10/2023 giữa bên chuyển nhượng Trịnh Thị Kim N và bên nhận chuyển nhượng Vũ Thị H1. Trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng, H đã chuyển khoản thành công 400.000.000 đồng cho N. Hành vi thiếu trách nhiệm của Nguyễn Hồng T đã vi phạm các quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật công chứng; khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 9, Điều 12, Điều 15 quy chế quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản trên địa bàn tỉnh Lai Châu, ban hành theo Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L, là nguyên nhân gián tiếp dẫn đến hậu quả Phạm Thu H thiệt hại số tiền 400.000.000 đồng.

Như vậy, trong thời gian từ ngày 09/10/2023 đến ngày 25/10/2023, Trịnh Thị Kim N đã đưa ra các thông tin gian dối, lừa đảo chiếm đoạt 930.000.000 đồng của Phạm Thu H (lần 1 ngày 09/10/2023 là 180.000.000 đồng; lần 2 ngày 24/10/2023 là 350.000.000 đồng; lần 3 ngày 25/10/2023 là 400.000.000 đồng).

Vụ thứ hai: Sáng ngày 27/10/2023 Trịnh Thị Kim N liên hệ với Lê Thị D hỏi vay 400.000.000 đồng bằng hình thức thế chấp thửa đất có thông tin theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA778402. Sau khi kiểm tra vị trí thửa đất, D đồng ý cho N vay tiền không thỏa thuận lãi suất vay và thống nhất lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để đảm bảo việc cho vay. Sau đó, hai người đến Phòng C1 tỉnh Lai Châu gặp Nguyễn Hồng T để lập, ký kết và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Trịnh Thị Kim N, bên nhận chuyển nhượng Lê Thị D với giá chuyển nhượng trên hợp đồng là 400.000.000 đồng. Sau khi công chứng, D chuyển khoản 400.000.000 đồng vào tài khoản của N. Do cần tiền, nên tối cùng ngày, N gọi điện thoại cho D hỏi vay thêm 200.000.000 đồng. Qua trao đổi, N thống nhất bán thửa đất trên cho D với giá 600.000.000 đồng theo hợp đồng đã công chứng trước đó. Sau đó, D chuyển khoản cho N 200.000.000 đồng thanh toán tiền mua đất rồi giữ giấy tờ đất cùng hợp đồng công chứng để đăng ký biến động quyền sử dụng đất thì phát hiện tên người sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị chỉnh sửa. Đến ngày 03/11/2023, D làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của N.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 27/10/2023, Trịnh Thị Kim N liên hệ với Nguyễn Cửu L hỏi vay tiền bằng hình thức thế chấp thửa đất có thông tin theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA778418. Nguyễn Cửu L không đồng ý cho vay mà giới thiệu Phan Thị X có nhu cầu mua đất. Sau khi kiểm tra vị trí thửa đất, N và X thống nhất giá chuyển nhượng là 650.000.000 đồng, N giảm cho X 5.000.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, cả hai đến Văn phòng C2, yêu cầu Đ2 là Công chứng viên tiến hành lập, ký kết và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Trịnh Thị Kim N, bên nhận chuyển nhượng Phan Thị X. Sau khi hợp đồng được công chứng, X đã chuyển khoản 645.000.000 đồng cho N thanh toán tiền mua đất.

Vụ thứ tư: Ngày 29/10/2023, thông qua Nguyễn Cửu L, Trịnh Thị Kim N vay 250.000.000 đồng của Lương Đức T3 bằng hình thức thế chấp thửa đất có thông tin theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL117805. Để đảm bảo

việc vay, N cùng Vũ Thị Đ1 (vợ Lương Đức T3) đến Văn phòng C3 công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Trịnh Thị Kim N, bên nhận chuyển nhượng Vũ Thị Đ1. Sau khi công chứng hợp đồng, T3 chuyển khoản cho N 250.000.000 đồng. Ngày 30/10/2023, N gọi điện thoại hỏi vay thêm tiền thì được T3 giới thiệu Nguyễn Thị B đang có nhu cầu mua đất. Sau khi kiểm tra vị trí thửa đất và xác định thông tin người sử dụng đất trên hệ thống lưu trữ đúng là của N, B nhờ T3 chuyển khoản 350.000.000 đồng đến tài khoản của N để đặt cọc mua đất.

Sáng ngày 31/10/2023, tại quán C4, đường thanh niên thuộc phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu, B và N thống nhất giá trị chuyển nhượng thửa đất có thông tin theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL117805 là 950.000.000 đồng. Do trước đó, đã thống nhất với T3 nên B gọi điện thoại cho Dương Quốc Đ2 đề nghị hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa N và Đ1 ngày 29/10/2023, đồng thời lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/10/2023 chuyển nhượng thửa đất trên giữa bên chuyển nhượng Trịnh Thị Kim N, bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Thị B và Nguyễn Quý H5. Sau khi soạn thảo xong hợp đồng theo đề nghị của B, Lê Thuận T5 (nhân viên Văn phòng C2) mang các bản hợp đồng đã soạn thảo đến quán cà phê An N3 cho N đọc và ký nhận. Tại thời điểm N ký hợp đồng, công chứng viên Dương Quốc Đ2 không có mặt, không chứng kiến việc N ký xác nhận vào các bản hợp đồng trên. Trong thời gian từ ngày 30/10/2023 đến ngày 31/10/2023, B đã chuyển cho T5 tổng số 950.000.000 đồng để T5 đặt cọc, thanh toán tiền mua đất cho N. Do đã thống nhất hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với N ngày 29/10/2023 nên T5 đã khấu trừ 250.000.000 đồng tiền cho N vay và 15.000.000 đồng trong tổng số tiền B chuyển cho T5 (T5 đã trả lại cho B số tiền này), số tiền còn lại T5 chuyển khoản cho N để thanh toán tiền mua đất cho B. Ngày 01/11/2023, Công chứng viên Dương Quốc Đ2 đã công chứng hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 29/10/2023 tại Văn phòng C2. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/10/2023, do vợ chồng B không đến Văn phòng C3 ký vào hợp đồng nên Đ2 chưa thực hiện việc công chứng hợp đồng trên.

Vụ thứ năm: Ngày 31/10/2023, Trịnh Thị Kim N liên hệ với Nguyễn Minh C hỏi vay tiền. C đồng ý cho N vay 70.000.000 đồng bằng hình thức thế chấp thửa đất có thông tin theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA772440. Để đảm bảo việc vay, N và C đến Phòng C1 tỉnh Lai Châu gặp Nguyễn Hồng T để lập, ký kết và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng Trịnh Thị Kim N, bên nhận chuyển nhượng Nguyễn Minh C có giá trị chuyển nhượng trên hợp đồng là 100.000.000 đồng. Sau khi hợp đồng được công chứng, C chuyển khoản cho N 70.000.000 đồng. Cùng ngày, cũng với tài sản thế chấp như trên, N tiếp tục hỏi vay thêm 200.000.000 đồng, C đồng ý và nhờ Vũ Văn N2 chuyển 200.000.000 đồng đến tài khoản của N. Đến ngày 03/11/2023, sau khi phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA772440 bị N chỉnh sửa thông tin người sử dụng đất, C đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trịnh Thị Kim N.

Cùng ngày, N đến Công an tỉnh L đầu thú và khai nhận toàn bộ nội dung hành vi phạm tội của mình.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tại phiên tòa, bị cáo N cho rằng khi ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất cho B thì hợp đồng để trống tên người nhận chuyển nhượng; hồ sơ giải quyết theo thủ tục hành chính đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM642423, khi N trực tiếp mang hồ sơ gốc sang Giám đốc là Nguyễn Văn H2 kiểm tra thì không mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc kèm theo. Tuy nhiên, N không có chứng cứ chứng minh.

Về các vấn đề khác của vụ án: Đối với 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu HP ProDesk là của Văn phòng đăng ký đất đai; 01 hộp nhựa Deli màu trắng, bên trong có 02 cục tẩy màu đen và 03 lưỡi dao lam là của bị cáo Trịnh Thị Kim N dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội; 01 cây máy tính màu đen, nhãn hiệu FPT Elead là của Phòng C1 - Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen và 01 micro sim Viettel là của bị cáo N dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội; 01 USB màu ghi, 01 USB có dòng chữ hoco.32GB và các giấy tờ tài liệu thu giữ trong quá trình điều tra là tài liệu chứng cứ của vụ án; số tiền 169.422.000 đồng, trong đó có 130.000.000 đồng là của bị cáo T nộp để bồi thường thiệt hại cho Phạm Thu H thay bị cáo N, 39.422.000 đồng là của gia đình bị cáo N nộp để bồi thường cho các bị hại, cụ thể: Lê Thị D là 9.855.500 đồng, Phan Thị X là 9.855.500 đồng, Nguyễn Thị B là 9.855.500 đồng, Nguyễn Minh C là 9.855.500 đồng.

Bị hại Phạm Thu H trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị H1 và những người làm chứng. Bà cho Trịnh Thị Kim N vay tiền bằng hình thức thế chấp thửa đất theo Giấy chứng nhận số CM642423 và BL266100, bà hoàn toàn không biết N đã chỉnh sửa thông tin trên Giấy chứng nhận. Do đó bà đề nghị bị cáo N phải bồi thường toàn bộ tiền đã chiếm đoạt là 930.000.000 đồng. Về hình phạt đối với bị cáo N, đề nghị xử theo quy định của pháp luật.

Bị hại Lê Thị D trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người làm chứng. Lần đầu bà cho N vay tiền bằng hình thức thế chấp thửa đất theo Giấy chứng nhận số BA778402, sau đó N hỏi vay tiếp thì hai bên thống nhất N chuyển nhượng thửa đất trên cho bà với giá 600.000.000 đồng, bà không biết N đã chỉnh sửa thông tin trên Giấy chứng nhận. Do đó bà đề nghị N phải bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 600.000.000 đồng. Về hình phạt đối với bị cáo N, đề nghị xử theo quy định của pháp luật.

Bị hại Phan Thị X trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Quốc Đ2 và những người làm chứng. Trước khi nhận chuyển nhượng, N chỉ thực địa để kiểm tra, sau đó hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất theo Giấy chứng nhận số BA778418, bà hoàn toàn không biết N đã chỉnh sửa thông tin trên Giấy chứng nhận. Do đó bà đề nghị N phải bồi

thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 645.000.000 đồng. Về hình phạt đối với bị cáo N, đề nghị xử theo quy định của pháp luật.

Bị hại Lương Đức T3 trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của bị cáo N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị Đ1, Dương Quốc Đ2 và những người làm chứng. Tuy nhiên ông cho rằng số tiền 15.000.000 đồng ông đã nhận của N là tiền phí môi giới bán đất và phí công chứng. Ông không biết N chỉnh sửa thông tin trên Giấy chứng nhận. Số tiền 250.000.000 đồng, hiện N đã trả, do đó không yêu cầu N phải bồi thường. Về hình phạt đối với bị cáo N, đề nghị xử theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Thị B trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Quốc Đ2 và những người làm chứng. Trước khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất theo Giấy chứng nhận số BL117805, bà có nhờ kiểm tra thông tin chủ sử dụng đất tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L, kết quả tên người sử dụng là Trịnh Thị Kim N. Sau đó, hai bên lập hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên, bà hoàn toàn không biết N đã chỉnh sửa thông tin trên Giấy chứng nhận. Do đó bà đề nghị N phải bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 935.000.000 đồng. Về hình phạt đối với bị cáo N, đề nghị xử theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Minh C trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày diễn biến sự việc phù hợp với lời khai của các bị cáo và người làm chứng. Để đảm bảo cho khoản vay, N thế chấp thửa đất theo Giấy chứng nhận số BA772440, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Ông được N đưa đi kiểm tra thực địa, ông hoàn toàn không biết N đã chỉnh sửa thông tin trên Giấy chứng nhận. Do đó ông đề nghị N phải bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 270.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị H1 trong quá trình điều tra trình bày: Bà được chị chồng là Phạm Thu H nhờ đứng tên bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bên chuyển nhượng là Trịnh Thị Kim N, ngoài ra bà không biết nội dung nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị Đ1 trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ngày 29/10/2023, chồng là Lương Đức T3 bảo bà ra Văn phòng C2 ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bên chuyển nhượng là Trịnh Thị Kim N, đến ngày 01/11/2023 bà ký hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng trên. Thực tế vợ chồng bà không mua bán đất với N, ngoài ra bà không biết nội dung gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Quốc Đ2, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng C2 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Diễn biến, quá trình thực hiện công chứng các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất phù hợp với lời khai của bị cáo N, bị hại Phan Thị X và Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Vũ Thị Đ1 và những người làm chứng. Quá trình công chứng thực hiện đúng theo quy định của Luật công chứng và Quyết định số 27/2019/QĐ - UBND ngày 17/9/2019 của Ủy ban

nhân dân tỉnh L. Khi công chứng phải truy cập vào trang web: qlcc.laichau.gov.vn (phần mềm liên thông với các tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong tỉnh) để đối chiếu thông tin ngăn chặn, chuyển nhượng liên quan đến tài sản, người thực hiện giao dịch, còn phần mềm Vilis không liên thông với Văn phòng công chứng. Đối với hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bị cáo N và Vừ Thị Đ1, khi N ký hợp đồng không có mặt ông nên ông đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H2, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Theo quyết định phân công nhiệm vụ, Trịnh Thị Kim N có nhiệm vụ tham mưu, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai; chủ trì, cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính các dự án thu hồi đất trên địa bàn phường Đ và thực hiện nhiệm vụ khác do đơn vị phân công. Theo quy định, đối với hồ sơ gốc và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đổi, N có trách nhiệm bàn giao cho bộ phận kho là Trần Thị T4 để lưu trữ theo quy định. Đối với phần mềm Vilis được liên thông đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng T cấp huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trong tỉnh, Phòng đất đai, đo đạc và bản đồ - Sở T tỉnh. Mỗi viên chức trong Văn phòng được cấp 01 tài khoản riêng, trong đó có N để thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại phường Đ, còn các phường khác N không thực hiện được. Việc N chỉnh sửa thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông và mọi người trong cơ quan không biết. Những Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà N đã chỉnh sửa để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thì N chưa bàn giao cho T4 để lưu kho. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ của Cơ quan gồm 01 cây máy tính màu đen, nhãn hiệu HP ProDesk, đây là tài sản của Cơ quan nên ông đề nghị trả lại.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng C1 - Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu là ông Nguyễn Duy D1 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Quá trình thực hiện công chứng, chứng thực theo quy định của Luật công chứng, Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ, Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 09/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh L và Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 17/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh L. Phần mềm công chứng web:qlcc.laichau.gov.vn được đưa vào sử dụng từ tháng 6/2023 đến nay, phần mềm này được liên thông với các tổ chức hành nghề công chứng, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Phòng công chứng và Văn phòng Đ5 không có phần mềm liên thông theo dõi, trao đổi thông tin tình trạng pháp lý, tình trạng giao dịch, chuyển nhượng, thế chấp quyền sử dụng đất. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ của Cơ quan gồm 01 cây máy tính màu đen, nhãn hiệu F, đây là tài sản của Cơ quan nên ông đề nghị trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T4 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa trình bày: Bà được phân công nhiệm vụ là quản lý kho lưu trữ hồ sơ địa chính thửa đất của hộ gia đình, cá nhân tại Văn phòng đăng ký

đất đai từ năm 2021 đến nay. Đối với 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà N chỉnh sửa thông tin để thực hiện hành vi phạm tội thì N chưa bàn giao cho bà để lưu kho.

Người làm chứng ông Phạm Đức H3 trong quá trình điều tra trình bày: Ngày 25/10/2023, chị gái ông là Phạm Thu H có nhờ vợ ông là Vũ Thị H1 đứng tên người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngoài ra ông không biết nội dung gì khác.

Người làm chứng ông Đỗ Đình S trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ông làm việc tại Văn phòng B1 nên ngày 09, 24/10/2023 Phạm Thu H có nhờ làm hợp đồng đặt cọc và chuyển tiền mua đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM642423 và BL266100, ngoài ra ông không biết nội dung gì khác.

Người làm chứng ông Nguyễn Cửu L trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ngày 27/10/2023, Trịnh Thị Kim N hỏi vay tiền nhưng ông không có, N nói có thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA778418 muốn bán và nhờ ông tìm người mua. Ông điện thoại cho Nguyễn Thị B, sau đó ông, B và Phan Thị X đi kiểm tra thực địa và đến Văn phòng C2 làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa N và X. Đến ngày 29/10/2023, N lại hỏi vay tiền nhưng ông không có, N nhờ tìm người cho vay nên ông hỏi Lương Đức T3, T3 cho N vay 250.000.000 đồng, để đảm bảo khoản vay hai bên làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Vũ Thị Đ1 (vợ T3) tại Văn phòng C2. Ngoài ra, ông không biết nội dung gì khác.

Người làm chứng ông Vũ Văn N2 trong quá trình điều tra trình bày: Ông là bạn của Nguyễn Minh C nên ngày 31/10/2023, ông cho C vay 250.000.000 đồng để làm ăn, ngoài ra ông không biết nội dung gì khác.

Người làm chứng ông Lê Thuận T5 trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ông là nhân viên Văn phòng C2, ngày 29/10/2023 có Nguyễn Cửu L, Trịnh Thị Kim N, Vũ Thị Đ1 đến công chứng, ông là người soạn hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa N và Đ1 giúp Đ2 và cập nhật lên trang web: qlcc.laichau.gov.vn theo quy định. Ngày 30/10/2023, Nguyễn Thị B đến yêu cầu hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên và lập hợp đồng chuyển nhượng cho B. Ngày 31/10/2023, ông soạn hợp đồng hủy bỏ và hợp đồng mới cho B, sau đó mang ra quán An Nhiên cho mọi người kiểm tra và N ký. Đến ngày 01/11/2023, Đ1 đến ký hợp đồng hủy bỏ, sau đó ông là người cập nhật lên trang web: qlcc.laichau.gov.vn theo quy định.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T6 trong quá trình giải quyết vụ án, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Bà là Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai, ngày 02/10/2023 bà có nhận hồ sơ giải quyết theo thủ tục hành chính đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM642423 tại Trung tâm hành chính công và chuyển cho Trịnh Thị Kim N để giải quyết theo quy định. Sau đó đã được cấp đổi sang giấy mới là DH667453 và đã trả cho người dân.

Người làm chứng bà Trần Thị Kim Á trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ngày 19/10/2023, bà có bàn giao cho Trịnh Thị Kim N 26 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thu hồi của người dân (Giấy chứng

nhận này đã được cấp đổi sang Giấy mới) tại phường Đ để lưu kho theo quy định.

Người làm chứng bà Phạm Thị T7 trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ngày 09, 24/10/2023 có nhận được tổng số 280.000.000 đồng do Phạm Thu H chuyển đến để đưa cho chồng là Đỗ Đình S đặt cọc tiền mua đất. Việc S và H trao đổi, thỏa thuận như thế nào bà hoàn toàn không biết.

Người làm chứng bà Nguyễn Khánh H4 trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ngày 09/10/2023, Trịnh Thị Kim N nhờ bà giới thiệu người cho vay tiền, bà giới thiệu Phạm Thu H cho N, sau đó N và H trao đổi với nhau như thế nào bà hoàn toàn không biết.

Người làm chứng ông Nguyễn Duy T8 trong quá trình điều tra, đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: Ông là nhân viên Văn phòng C2, ngày 27/10/2023 Trịnh Thị Kim N, Phan Thị X, Nguyễn Thị B và Nguyễn Cửu L đến yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số BA778418, ông soạn hợp đồng giúp Dương Quốc Đ2 và sau đó cập nhật lên trang web: qlcc.laichau.gov.vn theo quy định.

Đối với hành vi công chứng hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 529 quyền số 01/2023/TP/SCC/HĐGD ngày 01/11/2023 giữa Trịnh Kim N và Vũ Thị Đ1 mà không có mặt của người yêu cầu công chứng N, không chứng kiến người yêu cầu công chứng N ký, điểm chỉ vào hợp đồng hủy bỏ trên của công chứng viên Dương Quốc Đ2. Kết quả điều tra xác định, hành vi của Đ2 vi phạm khoản 1 Điều 48 Luật công chứng nhưng hành vi trên của Đ2 không phải là nguyên nhân dẫn đến hậu quả N chiếm đoạt tiền của B. Ngày 30/10/2024, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Dương Quốc Đ2.

Đối với Phạm Thu H là người cho N vay 180.000.000 đồng trong thời gian 16 ngày, thu lãi 11.000.000 đồng tương ứng với lãi suất 139,41%/năm, gấp 6,97 lần lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, trong đó tiền lãi suất cho vay không quá 20%/năm tương đương với số tiền là 1.578.082 đồng, thu lời bất chính là 9.421.918 đồng. Ngày 24/10/2024, Giám đốc Công an tỉnh L ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Thu H.

Theo lời khai của bị cáo Trịnh Thị Kim N, từ ngày 29/10/2023 đến ngày 31/10/2023, N vay của Lương Đức T3 250.000.000 đồng và đã trả cho T3 15.000.000 đồng tiền lãi. Ngoài lời khai duy nhất của N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xử lý T3 trong vụ án.

Theo lời khai của bị cáo Trịnh Thị Kim N, ngày 31/10/2023, N vay 70.000.000 đồng của Nguyễn Minh C với lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tuần. Ngoài lời khai duy nhất của N không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ xử lý C trong vụ án.

Đối với Nguyễn Cửu L, Đỗ Đình S là người giới thiệu Trịnh Thị Kim N để N liên hệ với các bị hại vay tiền và mua bán đất. Kết quả điều tra xác định, các cá nhân trên không biết việc N sửa chữa, làm sai lệch thông tin người sử dụng trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; không được bàn bạc, thống

nhất hoặc hứa hẹn lợi ích gì từ hành vi phạm tội của N. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Cửu L, Đỗ Đình S trong vụ án.

Đối với số điện thoại 0941.774.325, theo Trịnh Thị Kim N khai là số điện thoại của đối tượng mà N liên hệ để chuyển tiền đầu tư vào các sản giao dịch tài chính trên mạng. Kết quả điều tra xác định số điện thoại trên đăng ký thuê bao là Trần Thị Kim H6, sinh ngày 06/12/1986, trú tại khu phố B, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, H6 không đăng ký thông tin thuê bao và không biết ai sử dụng số điện thoại trên. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Trần Thị Kim H6 trong vụ án.

Đối với số điện thoại 0989.268.801, theo Trịnh Thị Kim N khai là số điện thoại của người đàn ông tên Q đã trao đổi, rủ N tham gia đầu tư vào các sản giao dịch tài chính trên mạng. Kết quả điều tra xác định chủ thuê bao là Phạm Thị T9, sinh ngày 29/8/1959, trú tại tổ dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Tuy nhiên, T9 không đăng ký thông tin thuê bao và không biết ai sử dụng số điện thoại trên. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Phạm Thị T9 trong vụ án.

Đối với trang web: michaelkorss2.com và <https://csingtrade.com/trading> là sản giao dịch tài chính qua mạng mà N truy cập, liên hệ để đầu tư tài chính. Kết quả điều tra xác định, các trang web trên đăng ký trực tiếp với tổ chức quốc tế ở nước ngoài, không thuộc thẩm quyền quản lý của Việt Nam. Do đó, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để điều tra, làm rõ.

Đối với các tổ chức, cá nhân đứng tên 14 tài khoản ngân hàng mà Trịnh Thị Kim N đã chuyển 3.380.000.000 đồng chiếm đoạt của các bị hại. Kết quả điều tra xác định, các tổ chức, cá nhân trên đều không trực tiếp sử dụng các số tài khoản hoặc không xác định được người có nhân thân, lai lịch đứng tên chủ tài khoản hiện đang ở đâu, làm gì. Do đó, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để điều tra làm rõ, không có cơ sở để phong tỏa hoặc thu hồi số tiền do bị cáo phạm tội mà có.

Tại bản kết luận giám định số 1144/KL-KTHS ngày 16/01/2024 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận:

- *Phôi của 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA772440, BA778402, BA778418, BL266100, BL117805, CM642423 (mẫu cần giám định) so với phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH667906 (mẫu so sánh) do cùng các bản in tương ứng in ra.*

- *Đối với 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:*

1. *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA266100 bị tẩy xóa cơ học phần nội dung dưới mục “I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”. Phần nội dung: “Bà Trịnh Thị Kim N - Năm sinh: 1976 CMND số : 045046469 - Địa chỉ thường trú: Tổ A, phường T, thị xã L, tỉnh Lai Châu” là nội dung in thêm sau khi tẩy xóa - không xác định được đầy đủ nội dung nguyên thủy.*

2. *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA778402 bị tẩy xóa cơ học phần nội dung dưới mục*

“IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận - Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý”. Phần nội dung “Chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị Kim N, sinh năm: 1976, CMND số: 045046469, địa chỉ thường trú: Tổ A, phường T, thị xã L, tỉnh Lai Châu; theo hợp đồng số 90, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng C1 tỉnh Lai Châu chứng thực ngày 24/8/2010 theo hồ sơ số 000236.CN.001” là nội dung in thêm sau khi tẩy xóa - không xác định được đầy đủ nội dung nguyên thủy.

3. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL117805 bị tẩy xóa cơ học phần nội dung dưới mục “I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”. Phần nội dung: “Bà Trịnh Thị Kim N - Năm sinh: 1976 CCCD số: 015176000271 - Địa chỉ thường trú: Tổ A, phường T, thành phố L, tỉnh Lai Châu” là nội dung in thêm sau khi tẩy xóa - không xác định được đầy đủ nội dung nguyên thủy.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA778418 bị tẩy xóa cơ học phần nội dung dưới mục “IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận - Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý”. Phần nội dung “Chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị Kim N, sinh năm: 1976, CMND số: 045046469, địa chỉ thường trú: Tổ A, phường T, thị xã L, tỉnh Lai Châu; theo hợp đồng số 90, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng C1 tỉnh Lai Châu chứng thực ngày 24/8/2010 theo hồ sơ số 000236.CN.001” là nội dung in thêm sau khi tẩy xóa - không xác định được đầy đủ nội dung nguyên thủy.

5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 642423 bị tẩy xóa cơ học phần nội dung dưới mục “I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”. Phần nội dung: “Bà Trịnh Thị Kim N - Năm sinh: 1976 CMND số: 045046469 - Địa chỉ thường trú: Tổ A, phường T, thị xã L, tỉnh Lai Châu” là nội dung in thêm sau khi tẩy xóa - không xác định được đầy đủ nội dung nguyên thủy.

6. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA772440 bị tẩy xóa cơ học phần nội dung dưới mục “IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận - Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý”. Phần nội dung “Chuyển nhượng cho bà Trịnh Thị Kim N, sinh năm: 1976, CMND số: 045046469, địa chỉ thường trú: Tổ dân phố số A, phường T, thị xã L, tỉnh Lai Châu; theo hồ sơ số 000019.CN.001, theo hợp đồng chuyển nhượng số 29, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD được Phòng C1 tỉnh Lai Châu công chứng ngày 12/01/2011” là nội dung in thêm sau khi tẩy xóa - không xác định được đầy đủ nội dung nguyên thủy.

- Chữ ký đứng tên Trịnh Thị Kim N trên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Trịnh Thị Kim N trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Thế T10 trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA772440,

BA778402, BA778418 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Thế T10 trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Vũ Thị N4 trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL266100, BL117805 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Vũ Thị N4 trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Bá A trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM642423 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Lê Bá A trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đàm Vũ H7 trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA772440, BA778402, BA778418 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Đàm Vũ H7 trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Lưu Văn Đ3 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM642423 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Lưu Văn Đ3 trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Đào Thế A1 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM642423 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Đào Thế A1 trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Dương Quốc Đ2 trên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Dương Quốc Đ2 trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Hồng T trên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Hồng T trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Vũ Thị H1 trên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Vũ Thị H1 trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Minh C trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 545 ngày 31/10/2023 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Nguyễn Minh C trên các mẫu so sánh là chữ viết do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Lê Thị D trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 537 ngày 27/10/2023 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Lê Thị D trên các mẫu so sánh là chữ ký do cùng một người ký ra.

- Chữ ký đứng tên Phan Thị X trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 396 ngày 27/10/2023 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Phan Thị X trên các mẫu so sánh là chữ viết do cùng một người viết ra.

- Chữ ký đứng tên Vừ Thị Đ1 trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 397 ngày 29/10/2023 và hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất số 529 ngày 01/11/2023 (mẫu cần giám định) so với chữ ký đứng tên Vừ Thị Đ1 trên các mẫu so sánh là chữ viết do cùng một người viết ra.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung “★ ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ LAI CHÂU TỈNH LAI CHÂU” trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (mẫu cần giám định) với hình dấu tròn đỏ có nội dung “★ ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ LAI CHÂU TỈNH LAI CHÂU” trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung “★ ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU T. LAI CHÂU” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM642423 (mẫu cần giám định) với hình dấu tròn đỏ có nội dung “★ ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L T. LAI CHÂU” trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ★ TX. LAI CHÂU - T. LAI CHÂU ★ PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (mẫu cần giám định) với hình dấu tròn đỏ có nội dung “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ★ TX. LAI CHÂU - T. LAI CHÂU ★ PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung “PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. LAI CHÂU T. LAI CHÂU ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM642423 (mẫu cần giám định) với hình dấu tròn đỏ có nội dung “PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TP. LAI CHÂU T. LAI CHÂU ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT” trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG T. LAI CHÂU ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM642423 (mẫu cần giám định) với hình dấu tròn đỏ có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG T. LAI CHÂU ★ VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI” trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung “S.Đ.K.H.Đ: 02 - C.T.H.Đ ★ TP. LAI CHÂU - T. LAI CHÂU ★ VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DƯƠNG QUỐC ĐẠI” trên các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (mẫu cần giám định) với hình dấu tròn đỏ có nội dung “S.Đ.K.H.Đ: 02 - C.T.H.Đ ★ TP. LAI CHÂU - T. LAI CHÂU ★ VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DƯƠNG QUỐC ĐẠI” trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung “SỞ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU ★ PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1” trên các mẫu cần giám định với mẫu hình dấu

tròn đồ có nội dung “ SỞ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU ★ PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1” trên các mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra.

Tại kết luận giám định số 1128/KL - KTHS ngày 12/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận:

Không phục, trích xuất được dữ liệu điện tử trong mẫu vật gửi giám định: Tìm thấy 32.1 GB (34,488,467,419 bytes) dữ liệu danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, hình ảnh trong điện thoại gửi giám định. Không tìm thấy dữ liệu danh bạ trong ứng dụng Facebook, danh bạ trong ứng dụng Telegram, tin nhắn trong ứng dụng Messenger, tin nhắn trong ứng dụng Telegram trong điện thoại di động Iphone 12 Pro Max màu đen, IMEI 1: 356728116210523, IMEI 2: 356728116072519, kèm theo 01 sim Viettel, trên sim có in hàng số: 8984048000059699406. Toàn bộ dữ liệu điện tử được nén trong tập tin có tên “Dulieu1128.rar”, có dung lượng 31.3 GB (33,617,814,314 bytes), có mã: MD5: 05ECD816D824CDEC2 ECF18052767A1D2;SHA1:9E0F1F77BBF56B7339E1CB1B1D55E03E9CA384 70. Toàn bộ dữ liệu giám định được lưu trong 01 USB màu ghi đã niêm phong theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 79/CT-VKSLC-P1 ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Trịnh Thị Kim N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm b khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Kim N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Giả mạo trong công tác”; bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Về hình phạt:

Bị cáo Trịnh Thị Kim N:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Kim N từ 14 năm đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 359, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Kim N từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Áp dụng khoản 5 Điều 359 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo đảm nhiệm công việc liên quan đến lĩnh vực đất đai trong thời gian từ 01 năm đến 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Trịnh Thị Kim N. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2023.

Bị cáo Nguyễn Hồng T: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 360, điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn

Hồng T từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2024. Áp dụng khoản 4 Điều 360 Bộ luật hình sự, cấm bị cáo T đảm nhiệm công việc liên quan đến công chứng trong thời gian từ 01 năm đến 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự:

Trả lại cho Phòng C1 - Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu: 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu F;

Trả lại cho Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L: 01 cây máy tính màu đen, nhãn hiệu HP ProDesk;

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp nhựa Deli màu trắng, bên trong có 02 cục tẩy màu đen và 03 lưỡi dao lam;

Tịch thu lưu hồ sơ: 01 USB màu ghi; 01 USB có dòng chữ hoco.32GB; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc, hợp đồng hủy bỏ và các tài liệu liên quan đến hồ sơ gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA772440, BL266100 và CM642423.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen và 01 micro sim V.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Trịnh Thị Kim N phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại cụ thể như sau:

Bồi thường cho Phạm Thu H là 930.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo Nguyễn Hồng T đã tự nguyện bồi thường thay cho N là 130.000.000 đồng (hiện đang lưu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu), còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 800.000.000 đồng.

Bồi thường cho Lê Thị D là 600.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 9.855.500 đồng trong tổng số tiền 39.422.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 590.144.500 đồng.

Bồi thường cho Phan Thị X là 645.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 9.855.500 đồng trong tổng số tiền 39.422.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 635.144.500 đồng.

Bồi thường cho Nguyễn Thị B là 935.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 9.855.500 đồng trong tổng số tiền 39.422.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 925.144.500 đồng.

Bồi thường cho Nguyễn Minh C là 270.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 9.855.500 đồng trong tổng số tiền đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 260.144.500 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định nêu trên.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị Kim N đề nghị Hội đồng xét xử: Không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự vì các lần phạm tội đã được cộng lại để xử lý trách nhiệm hình sự theo khung tăng nặng. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị cáo nhất trí với đề nghị của người bào chữa, không bổ sung gì thêm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Trịnh Thị Kim N xin lỗi Cơ quan và các bị hại; bị cáo phạm tội do mê muội, không làm chủ được bản thân nên mong được mọi người tha thứ; bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo, có 01 con còn nhỏ đang tuổi ăn học và mẹ già nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về gia đình và xã hội. Bị cáo Nguyễn Hồng T ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và xét xử tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Trong tháng 10 năm 2023, tại thành phố L, tỉnh Lai Châu, Trịnh Thị Kim N là Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Lai Châu đã vào phần mềm Vilis do N được cấp tài khoản riêng để thực hiện chỉnh sửa thông tin từ người chủ sử dụng hợp pháp thành thông tin của N trên 06 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do N quản lý rồi in ra với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi chỉnh sửa, N đã ấn lưu thông tin đã sửa 04/06 Giấy chứng nhận trên phần mềm Vilis (phần mềm Vilis liên thông với các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng T huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh, Phòng đất đai, đo đạc và bản đồ - Sở T tỉnh). N sử dụng các Giấy chứng nhận đã chỉnh sửa để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng số tiền 3.645.000.000 đồng, cụ thể: Phạm Thu H 03 lần với tổng số tiền 930.000.000 đồng; Lê Thị D 01 lần với số tiền 600.000.000 đồng; Phan Thị X 01 lần với số tiền 645.000.000 đồng; Lương Đức T3 01 lần với số tiền 250.000.000 đồng; Nguyễn Thị B 01 lần với số tiền 950.000.000 đồng; Nguyễn Minh C 01 lần với số tiền 270.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được, Trịnh Thị Kim N đã sử dụng 3.380.000.000 đồng để đầu tư vào các sản giao dịch tài chính trên mạng

và trả lại cho Lương Đức T3 250.000.000 đồng, 15.000.000 đồng cho Nguyễn Thị Bến .

Là công chứng viên Phòng C1 - Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu, Nguyễn Hồng T không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ nên đã không phát hiện thông tin trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM642423 đã bị chỉnh sửa thông tin, do vậy đã lập và công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 535 quyền số 03/2023TP/CC-SCC/HĐGD ngày 26/10/2023 giữa bên chuyển nhượng Trịnh Thị Kim N, bên nhận chuyển nhượng Vũ Thị H1 dẫn đến gây thiệt hại cho Phạm Thu H số tiền 400.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Trịnh Thị Kim N là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước và ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của Nguyễn Hồng T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, gây thiệt hại tài sản cho người khác. Các bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo Trịnh Thị Kim N đã đủ yếu tố cấu thành các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Giả mạo trong công tác” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 4 Điều 359 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hồng T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trịnh Thị Kim N phải chịu 01 tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với cả hai tội. Bị cáo Nguyễn Hồng T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Trịnh Thị Kim N: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo đã trả lại số tiền chiếm đoạt là 250.000.000 đồng cho bị hại Lương Đức T3, đồng thời tác động Lương Đức T3 trả lại số tiền 15.000.000 đồng (trong tổng số tiền N lừa đảo chiếm đoạt của B) cho Nguyễn Thị B; bị cáo và gia đình đã nộp 39.422.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu để bồi thường thiệt hại cho các bị hại D, X, B, C. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình công tác bị cáo được Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L tặng Giấy khen năm 2019, 2022, Ủy ban nhân dân thành phố L tặng Giấy khen năm 2016, 2018; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình; bố đẻ là ông Trịnh N5 được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, mẹ đẻ là bà Hoàng Thị N1 được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Do đó bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Hồng T: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu trách nhiệm dân sự nhưng trong quá trình điều tra bị cáo đã tác

động gia đình nộp 130.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra, bị cáo đã chủ động tố cáo và cung cấp thông tin về đối tượng khác thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản giúp Cơ quan điều tra khởi tố vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại thành phố L, tỉnh Lai Châu trong năm 2024; quá trình tạm giam bị cáo đã cung cấp nhiều thông tin có giá trị giúp Cơ quan điều tra bắt được đối tượng phạm tội khác trên địa bàn nên ngày 09/12/2024 Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy có Công văn số 310/CV-PC04 xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Quá trình công tác bị cáo được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2018, Bộ trưởng Bộ tư pháp tặng Bằng khen năm 2016, Bộ tư pháp tặng Bằng khen năm 2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua tỉnh Lai Châu năm 2015 và tặng Bằng khen năm 2013. Bố đẻ là ông Nguyễn Quang T1 được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng Ba, mẹ đẻ là bà Đặng Thị M được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen. Do đó bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục cũng như công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Đối với bị cáo Trịnh Thị Kim N, điều kiện kinh tế còn khó khăn, 01 con còn nhỏ, chồng đã ly hôn và hiện đã chết, do đó cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Nguyễn Hồng T có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể cho bị cáo được hưởng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để bị cáo thấy được tính nhân đạo của Nhà nước ta mà cố gắng cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

Do đó quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai và đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hồng T, Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo được hưởng mức án bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

Không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Trịnh Thị Kim N về việc không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự vì: Mỗi lần bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều thỏa mãn cấu thành tội phạm, do đó ngoài việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng còn bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; không chấp nhận áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự vì không đủ điều kiện.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Theo khoản 5 Điều 359 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”. Xét thấy, cần áp dụng khoản 5 Điều 359 Bộ luật hình sự, cấm đảm nhiệm công việc liên quan đến lĩnh vực đất đai đối với bị cáo N trong thời gian 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù. Miễn hình phạt bổ sung còn lại cho bị cáo.

Theo khoản 4 Điều 360 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy cần cấm đảm nhiệm công việc liên quan đến công chứng trong thời gian 01 năm đối với bị cáo T kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu FPT Elead đã thu giữ của Phòng C1 - Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu; 01 cây máy tính màu đen, nhãn hiệu HP ProDesk đã thu giữ của Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của Cơ quan nên cần trả lại theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 hộp nhựa Deli màu trắng, bên trong có 02 cục tẩy màu đen và 03 lưỡi dao lam là của bị cáo N dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 USB màu ghi; 01 USB có dòng chữ hoco.32GB và các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc, hợp đồng hủy bỏ và các tài liệu liên quan đến hồ sơ gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA772440, BL266100 và CM642423 là tài liệu chứng cứ nên cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án theo Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen và 01 micro sim Viettel là của bị cáo N dùng để liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lương Đức T3 đã được bị cáo Trịnh Thị Kim N trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt là 250.000.000 đồng nên ông T3 không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường thiệt hại, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các bị hại Phạm Thu H, Lê Thị D, Phan Thị X, Nguyễn Thị B, Nguyễn Minh C yêu cầu bị cáo N bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu trên là có căn cứ, phù hợp Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, do đó cần buộc bị cáo Trịnh Thị Kim N phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại cụ thể như sau:

Bồi thường cho Phạm Thu H tổng số 930.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo Nguyễn Hồng T đã bồi thường thay cho N là 130.000.000 đồng (hiện đang lưu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu), còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 800.000.000 đồng.

Bồi thường cho Lê Thị D là 600.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 9.855.500 đồng trong tổng số tiền 39.422.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 590.144.500 đồng.

Bồi thường cho Phan Thị X là 645.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 9.855.500 đồng trong tổng số tiền 39.422.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 635.144.500 đồng.

Bồi thường cho Nguyễn Thị B là 935.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 9.855.500 đồng trong tổng số tiền 39.422.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 925.144.500 đồng.

Bồi thường cho Nguyễn Minh C là 270.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã bồi thường 9.855.500 đồng trong tổng số tiền 39.422.000 đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là 260.144.500 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a (đối với cả hai bị cáo), c, g (đối với bị cáo N) khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trịnh Thị Kim N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 96.211.560 đồng (72.000.000 đồng + 2% của phần giá trị tài sản vượt 2.000.000.000 đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Bị cáo Nguyễn Hồng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8.]. Kiến nghị: Các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động công chứng và lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Lai Châu để hạn chế các vi phạm bị xử lý về hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 359, điểm b (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản), s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48, điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự đối với bị cáo Trịnh Thị Kim N;

Căn cứ điểm d khoản 1, khoản 4 Điều 360, điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Hồng T;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a (đối với hai bị cáo), c, g (đối với bị cáo N) khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Thị Kim N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Giả mạo trong công tác”; bị cáo Nguyễn Hồng T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Kim N 14 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 12 năm tù về tội “Giả mạo trong công tác”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội bị cáo Trịnh Thị Kim N phải chấp hành là 26 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T 05 tháng 16 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2024. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 15/01/2025, thời hạn tù của bị cáo bằng thời gian đã bị tạm giam. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Hồng T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về hình phạt bổ sung:

3.1. Cấm bị cáo Trịnh Thị Kim N đảm nhiệm công việc liên quan đến lĩnh vực đất đai trong thời gian 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

3.2. Cấm bị cáo Nguyễn Hồng T đảm nhiệm công việc liên quan đến công chứng trong thời gian 01 năm từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về vật chứng của vụ án:

4.1. Trả lại cho Phòng C1 - Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu: 01 cây máy tính màu đen nhãn hiệu FPT Elead.

4.2. Trả lại cho Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L: 01 cây máy tính màu đen, nhãn hiệu HP ProDesk.

4.3. Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp nhựa Deli màu trắng, bên trong có 02 cục tẩy màu đen và 03 lưỡi dao lam.

4.4. Tịch thu lưu hồ sơ: 01 USB màu ghi; 01 USB có dòng chữ hoco.32GB; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng đặt cọc, hợp đồng hủy bỏ và các tài liệu liên quan đến hồ sơ gốc của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA772440, BL266100 và CM642423 (hiện đang lưu hồ sơ vụ án).

4.5. Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu đen, kèm theo 01 micro sim V.

5. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trịnh Thị Kim N phải bồi thường cho các bị hại tổng số 3.380.000.000 đồng. (Xác nhận đã nộp 169.422.000 đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, trong đó gồm 130.000.000 đồng của Nguyễn Hồng T, 39.422.000 đồng của Trịnh Thị Kim N), còn lại 3.210.578.000 đồng bị cáo N phải tiếp tục bồi thường, cụ thể như sau:

5.1. Bồi thường cho Phạm Thu H là 930.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo T đã nộp 130.000.000 đồng, hiện đang lưu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải tiếp tục bồi thường là 800.000.000 đồng.

5.2. Bồi thường cho Lê Thị D là 600.000.000 đồng. Xác nhận đã nộp 9.855.500 đồng trong tổng số 39.422.000 đồng, hiện đang lưu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải tiếp tục bồi thường là 590.144.500 đồng.

5.3. Bồi thường cho Phan Thị X là 645.000.000 đồng. Xác nhận đã nộp 9.855.500 đồng trong tổng số 39.422.000 đồng, hiện đang lưu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải tiếp tục bồi thường là 635.144.500 đồng.

5.4. Bồi thường cho Nguyễn Thị B là 935.000.000 đồng. Xác nhận đã nộp 9.855.500 đồng trong tổng số 39.422.000 đồng, hiện đang lưu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải tiếp tục bồi thường là 925.144.500 đồng.

5.5. Bồi thường cho Nguyễn Minh C là 270.000.000 đồng. Xác nhận đã nộp 9.855.500 đồng trong tổng số 39.422.000 đồng, hiện đang lưu tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu, còn lại phải tiếp tục bồi thường là 260.144.500 đồng.

(Tình trạng vật chứng và số tiền bồi thường đã nộp theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 08 giờ 05 phút ngày 26/11/2024 giữa Công an tỉnh L và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu; biên lai số 0001308 ngày 26/11/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án chưa thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Bị cáo Trịnh Thị Kim N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 96.211.560 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Bị cáo Nguyễn Hồng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Công an tỉnh Lai Châu (Phòng PC03);
- Cục THADS tỉnh Lai Châu;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa; NCQL, NVLQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Trại Tạm giam;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương